

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 21 tháng 9 năm 2022, các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 557/2022/TLST-DS ngày 17/6/2022 về việc: “*Tranh chấp về thừa kế tài sản*”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1976

Địa chỉ: A tỉnh lộ 43, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1971; Văn bản uỷ quyền ngày 08/7/2022; Địa chỉ: A tỉnh lộ 43, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Bị đơn:* Bà Lương Thị Kim A, sinh năm 1970 là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn Hoàng (chết năm 2019).

Địa chỉ: A tỉnh lộ 43, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trần Thị Ngọc P, sinh năm 1967

Địa chỉ: A tỉnh lộ 43, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1971

Địa chỉ: A tỉnh lộ 43, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Trần Thị Hà, sinh năm 1973

Địa chỉ: Tổ 2, ấp A, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Trần Thị Hiền, sinh năm 1979

Địa chỉ: A tỉnh lộ 43, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo ủy quyền của bà P, bà H, bà Hiền, bà Hà là ông Nguyễn Văn Cương, sinh năm 1971; Văn bản ủy quyền ngày 08/7/2022; Địa chỉ: A tỉnh lộ 43, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn Hoàng (chết năm 2019), bao gồm:

Bà Lương Thị Kim A, sinh năm 1970

Bà Trần Hoàng O, sinh năm 1990

Ông Trần Hoàng M, sinh năm 2002

Cùng địa chỉ: A tỉnh lộ 43, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông Trần Hoàng C, sinh năm 1993

Địa chỉ: A tỉnh lộ 43, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

6. Bà Lê Thị C, sinh năm 1995

Địa chỉ: A tỉnh lộ 43, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Căn nhà số A tỉnh lộ 43, khu phố B, phường C, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh là di sản bà Trần Thị Bep có giá trị 3.303.000.000 đồng.

Giao phần nhà đất cho bà Nguyễn Thị T được toàn quyền kê khai, đăng ký và liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký đứng tên sở hữu cá nhân theo quy định đối với toàn bộ căn nhà và đất số 1155/3/2, Tỉnh Lộ 43, khu phố 2, phường Bình Chiểu, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở hồ sơ gốc số 342/2009/GCN do ủy ban nhân dân quận Thủ Đức cũ cấp ngày 19/01/2009. Các ông bà Trần Thị Ngọc P; bà Trần Thị H; bà Trần Thị H và bà Trần Thị H và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Trần Văn Hoàng là bà Lương Thị Kim A, bà Trần Hoàng O, ông Trần Hoàng C, ông Trần Hoàng M có trách nhiệm bàn giao nhà đất và hỗ trợ bà Nguyễn Thị T trong quá trình làm thủ tục cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật.

Bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm giao cho ông Trần Hoàng Công số tiền 100.000.000 đồng là tiền công sức trông coi, quản lý, giữ gìn di sản.

Số tiền còn lại là 3.203.000.000 đồng được chia đều cho các đồng thừa kế là bà Trần Thị Ngọc P; bà Trần Thị H; bà Trần Thị H; bà Nguyễn Thị T; bà Trần Thị H và những người kế thừa của ông Trần Văn H.

Bà Nguyễn Thị T nhận nhà đất nên có trách nhiệm trả cho các đồng thừa kế mỗi người 1/6 giá trị di sản = 533.800.000 đồng.

Việc giao tiền và giao nhà đất được thực hiện hạn chót vào ngày 21/10/2022. Nếu một trong các bên vi phạm một trong những thỏa thuận trên về số tiền hay thời điểm trả tiền, giao nhà đất thì các đồng thừa kế có quyền yêu cầu thi hành toàn bộ nghĩa vụ nêu trên.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu bên bị thi hành án chưa thi hành, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Trần Thị Ngọc P; bà Trần Thị H; bà Trần Thị H; bà Nguyễn Thị T và bà Trần Thị Hiền mỗi người phải chịu 12.676.000 đồng. Riêng bà T được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0027674 ngày 13/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà T còn phải nộp thêm 7.676.000 đồng.

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trần Văn Hoàng, bao gồm: bà Lương Thị Kim A, bà Trần Hoàng O, ông Trần Hoàng C, ông Trần Hoàng M cùng liên đới chịu 12.676.000 đồng. Riêng ông Trần Hoàng C phải chịu thêm 2.500.000 đồng.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014)”.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKS nhân dân TP. Thủ Đức;
- Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THA DS TP. Thủ Đức;
- Lưu hồ sơ, VP.

**THẨM PHÁN**

**Đinh Khắc Hưng**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

- (1) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Tòa án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Tòa án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội).
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).
- (3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).
- (4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.
- (5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).